



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

**Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 27 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### **Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty là 1.636.693 triệu VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 783.497 triệu VND).

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo tỷ lệ 35% bao gồm 30% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 5 năm 2022. Ngày 20 tháng 6 năm 2022, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Ngày 18 tháng 7 năm 2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này. Theo đó, số lượng chứng khoán niêm yết thêm là 1.341.862.994 cổ phiếu, tương đương với 13.418.629.940.000 VND.

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

Hung Yên, 26-08-2022

14  
G  
H  
P  
H  
Y



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26-08-2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 51.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00118-22-1



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0339-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **26 -08- 2022**

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3064-2019-007-1



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>7.136.149.888.516</b>	<b>10.280.179.562.051</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>2.329.877.369.184</b>	<b>703.474.108.767</b>
Tiền	111		1.470.177.369.184	82.774.108.767
Các khoản tương đương tiền	112		859.700.000.000	620.700.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.377.000.000.000</b>	<b>1.404.200.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	16	3.377.000.000.000	1.404.200.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.332.114.038.462</b>	<b>8.121.200.085.412</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	38.295.512.880	21.307.458.298
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	35.714.902.730	12.649.281.875
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11.1	1.203.700.000.000	285.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12.1	54.403.622.852	7.802.243.345.239
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>97.123.480.870</b>	<b>51.270.367.872</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.1	84.420.085.935	41.170.880.511
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.247.349.326	8.643.441.752
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20	1.456.045.609	1.456.045.609

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>64.461.297.942.189</b>	<b>59.370.998.020.162</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>554.095.000.000</b>	<b>604.095.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11.2	550.000.000.000	600.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	12.2	4.095.000.000	4.095.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>99.235.989.053</b>	<b>92.737.640.939</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	70.480.580.553	63.929.902.686
Nguyên giá	222		141.062.049.453	138.154.374.453
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.581.468.900)	(74.224.471.767)
Tài sản cố định vô hình	227	14	28.755.408.500	28.807.738.253
Nguyên giá	228		47.659.621.840	47.659.621.840
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.904.213.340)	(18.851.883.587)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>153.199.598.703</b>	<b>160.523.460.843</b>
Nguyên giá	231		298.548.709.832	298.548.709.832
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(145.349.111.129)	(138.025.248.989)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>63.629.066.643.835</b>	<b>58.479.545.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		63.095.845.000.000	58.478.845.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		532.521.643.835	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.700.710.598</b>	<b>34.096.918.380</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.2	25.700.710.598	34.096.918.380
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>71.597.447.830.705</b>	<b>69.651.177.582.213</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>7.080.309.902.163</b>	<b>3.700.203.446.290</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.357.232.977.893</b>	<b>2.289.741.906.877</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	23.755.413.727	31.788.470.043
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	1.367.969.587	4.397.930.114
Phải trả người lao động	314		967.624.988	2.942.072.611
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	33.298.314.008	22.085.278.796
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.017.674.725	2.811.063.170
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	2.240.370.691.508	13.173.293.974
Vay ngắn hạn	320	23.1	2.621.153.845.720	1.410.461.538.039
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	1.434.301.443.630	802.082.260.130
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>723.076.924.270</b>	<b>1.410.461.539.413</b>
Vay dài hạn	338	23.2	723.076.924.270	1.410.461.539.413
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>64.517.137.928.542</b>	<b>65.950.974.135.923</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>64.517.137.928.542</b>	<b>65.950.974.135.923</b>
Vốn cổ phần	411	26	44.729.227.060.000	44.729.227.060.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.729.227.060.000	44.729.227.060.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.211.560.416.270
Quỹ đầu tư phát triển	418		818.839.391.108	891.907.691.966
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.757.511.061.164	17.118.278.967.687
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		14.120.817.614.687	8.550.347.287.877
- LNST kỳ này/năm nay	421b		1.636.693.446.477	8.567.931.679.810
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>71.597.447.830.705</b>	<b>69.651.177.582.213</b>

26 -08- 2022

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	71.190.680.867	152.975.893.936
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	30.167.600
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>71.190.680.867</b>	<b>152.945.726.336</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	51.883.043.437	143.009.276.824
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>19.307.637.430</b>	<b>9.936.449.512</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	1.844.846.928.108	1.461.676.915.591
Chi phí tài chính	22	32	154.580.157.758	525.808.736.246
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		79.833.376.848	84.593.936.246
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	74.880.961.303	151.961.431.608
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>1.634.693.446.477</b>	<b>793.843.197.249</b>
Thu nhập khác	31		2.000.000.000	219.951
Chi phí khác	32		-	446.457.986
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>(446.238.035)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.636.693.446.477</b>	<b>793.396.959.214</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	-	9.900.070.117
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>1.636.693.446.477</b>	<b>783.496.889.097</b>

26 -08- 2022

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.636.693.446.477</b>	<b>793.396.959.214</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		15.114.814.026	13.998.499.014
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		71.787.612.615	(14.615.384.617)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.846.846.429.357)	(1.003.263.338.324)
Chi phí lãi vay	06		79.833.376.848	84.593.936.246
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(43.417.179.391)</b>	<b>(125.889.328.467)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(31.446.403.257)	93.976.664.132
Biến động hàng tồn kho	10		-	404.106.757
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(29.753.378.276)	(128.696.690.119)
Biến động chi phí trả trước	12		(8.200.148.904)	(8.299.414.160)
			<b>(112.817.109.828)</b>	<b>(168.504.661.857)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(94.657.787.548)	(116.793.597.839)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(186.530.222.352)	(47.367.934.616)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(394.005.119.728)</b>	<b>(332.666.194.312)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(31.144.873.900)	(6.408.222.477)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		2.000.000.000	427.272.727
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(5.137.521.643.835)	(9.262.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		1.763.500.000.000	6.616.015.545.207
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(4.617.000.000.000)	(45.384.670.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	44.542.580.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		9.589.193.913.457	5.411.705.631.259
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.569.027.395.722</b>	<b>1.917.150.226.716</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

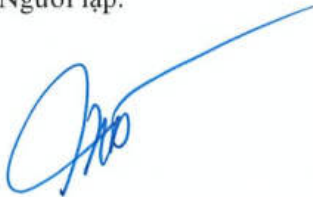
**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		3.375.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.905.230.769.134)	(714.307.692.094)
Tiền trả cổ tức	36		(139.095.500)	(1.600.025.914.875)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>469.630.135.366</b>	<b>(2.314.333.606.969)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.644.652.411.360</b>	<b>(729.849.574.565)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		703.474.108.767	2.129.879.209.901
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(18.249.150.943)	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>2.329.877.369.184</b>	<b>1.400.029.635.336</b>

**26-08-2022**

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1 Đơn vị báo cáo**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **1.2 Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, quảng cáo, mua bán các sản phẩm thép và đầu tư tài chính.

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **1.4 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 4 công ty con cấp 1 (1/1/2022: 4 công ty con cấp 1) được liệt kê trong Thuyết minh 16.2.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 117 nhân viên (1/1/2022: 112 nhân viên).

## **2 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **3.3 Các khoản đầu tư**

#### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

**(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

**(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(b) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

**3.7 Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	20 năm
-----------	--------



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3.8 Chi phí trả trước dài hạn**

#### **(a) Chi phí sửa chữa văn phòng**

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các công trình hạng mục của văn phòng Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

#### **(b) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

#### **(c) Chi phí làm thủ tục vay**

Chi phí liên quan đến khoản vay bao gồm các chi phí dàn xếp, chi phí đảm bảo và phí đại lý. Chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian của khoản vay.

### **3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### **3.10 Vốn cổ phần**

#### **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **3.11 Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

### **3.12 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3.13 Doanh thu và thu nhập khác**

#### **(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

#### **(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### **(c) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

#### **(d) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### **(e) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### **3.14 Thuê tài sản**

#### **Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

### **3.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

### **3.17 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

## **4 Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## **5 Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

## **6 Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## **7 Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8 Tiền và các khoản tương đương tiền**

**8.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.123.989.736	1.015.906.541
Tiền gửi ngân hàng	1.469.053.379.448	81.758.202.226
Các khoản tương đương tiền	859.700.000.000	620.700.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.329.877.369.184	703.474.108.767
	<hr/>	<hr/>

**8.2 Tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ**

	<b>30/6/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	50.000.844	1.156.769.411.756	880	18.777.187
		<hr/>		<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	14.761.521.647	8.297.478.705
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	5.414.707.277	3.092.988.737
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	399.706.609	56.253.505
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	2.283.819.241	2.064.905.349
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	9.004.267.165	5.293.081.168
Các bên liên quan khác	6.427.112.284	2.388.466.851
<b>Bên khác</b>		
Các khách hàng khác	4.378.657	114.283.983
	<b>38.295.512.880</b>	<b>21.307.458.298</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**10 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Xây dựng Long Việt	216.394.200	-
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	8.986.002.600	-
Công ty CP Du lịch và tiếp thị GTVT Việt Nam – Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	7.759.125.000	-
Công ty CP Giải pháp Kinh doanh Corex	3.630.000.000	3.630.000.000
Các nhà cung cấp khác	15.123.380.930	9.019.281.875
	<b>35.714.902.730</b>	<b>12.649.281.875</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **11 Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn**

### **11.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	100.000.000.000	130.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát	185.900.000.000	155.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	305.000.000.000	-
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	300.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng	162.800.000.000	-
Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát	150.000.000.000	-
	<b>1.203.700.000.000</b>	<b>285.000.000.000</b>

Đây là các khoản cho vay bằng VND và không được đảm bảo. Trong kỳ, các khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định từ 3,5%/năm (2021: 3,5%/năm).

### **11.2 Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát – công ty con	550.000.000.000	600.000.000.000
	<b>550.000.000.000</b>	<b>600.000.000.000</b>

Đây là các khoản cho vay bằng VND và không được đảm bảo. Trong kỳ, các khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định 4,6%/năm (2021: 3,5%/năm).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **12 Phải thu khác**

### **12.1 Phải thu ngắn hạn khác**

*Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo khoản mục:*

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	7.737.219.266.117
Tiền lãi dự thu	48.667.530.504	59.838.009.309
Phải thu khác	5.736.092.348	5.186.069.813
	<hr/>	<hr/>
	54.403.622.852	7.802.243.345.239
	<hr/>	<hr/>

*Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo đối tượng:*

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	35.402.484	19.206.287
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	34.796.026	19.779.294
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	34.587.675	805.260.172.915
Công ty CP Gang thép Hòa Phát	-	6.000.000.000.000
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát	-	800.000.000.000
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	636.438.799	58.390.929
Các bên liên quan khác	428.417.128	133.097.018.698
<b>Bên khác</b>		
Các bên khác	53.233.980.740	63.788.777.116
	<hr/>	<hr/>
	54.403.622.852	7.802.243.345.239
	<hr/>	<hr/>

### **12.2 Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ, ký cược có thời gian thu hồi trên 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	6.884.450.941	6.432.481.745	79.193.374.417	45.644.067.350	138.154.374.453
Tăng trong kỳ	-	-	13.186.580.000	1.468.495.000	14.655.075.000
Thanh lý	-	-	(11.747.400.000)	-	(11.747.400.000)
Số dư cuối kỳ	6.884.450.941	6.432.481.745	80.632.554.417	47.112.562.350	141.062.049.453
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	2.654.148.879	5.201.812.364	38.224.780.175	28.143.730.349	74.224.471.767
Khấu hao trong kỳ	344.222.988	131.337.497	4.886.245.098	2.742.591.550	8.104.397.133
Thanh lý	-	-	(11.747.400.000)	-	(11.747.400.000)
Số dư cuối kỳ	2.998.371.867	5.333.149.861	31.363.625.273	30.886.321.899	70.581.468.900
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	4.230.302.062	1.230.669.381	40.968.594.242	17.500.337.001	63.929.902.686
Số dư cuối kỳ	3.886.079.074	1.099.331.884	49.268.929.144	16.226.240.451	70.480.580.553

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản với nguyên giá 41.175 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 41.959 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14 Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.755.408.500	18.904.213.340	47.659.621.840
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	18.851.883.587	18.851.883.587
Khấu hao trong kỳ	-	52.329.753	52.329.753
Số dư cuối kỳ	-	18.904.213.340	18.904.213.340
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	52.329.753	28.807.738.253
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	-	28.755.408.500

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản với nguyên giá 18.904 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 18.504 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15 Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	298.548.709.832
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	138.025.248.989
Khấu hao trong kỳ	7.323.862.140
Số dư cuối kỳ	145.349.111.129
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	160.523.460.843
Số dư cuối kỳ	153.199.598.703

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643-645 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16 Các khoản đầu tư tài chính**

**16.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.377.000.000.000	3.377.000.000.000	1.404.200.000.000	1.404.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	532.521.643.835	532.521.643.835	-	-

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngân hàng, hưởng lãi suất từ 3,9% đến 6,1%/năm (1/1/2022: từ 5,4% đến 6,1%/năm).

(ii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại ngân hàng, hưởng lãi suất từ 6,1% đến 6,2%/năm (1/1/2022: Không).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2022			1/1/2022			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	99,999%	99,999%	3.099.975.000.000	99,999%	99,999%	3.099.975.000.000	
Công ty CP Gang thép Hòa Phát	99,998%	99,998%	47.499.220.000.000	99,998%	99,998%	47.499.220.000.000	
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát	99,994%	99,994%	5.499.650.000.000	99,994%	99,994%	5.499.650.000.000	
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát (i)	99,90%	99,90%	5.998.000.000.000	99,90%	99,90%	1.998.000.000.000	
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát (i)	99,90%	99,90%	999.000.000.000	99,90%	99,90%	382.000.000.000	
			<u>63.095.845.000.000</u>			<u>58.478.845.000.000</u>	
<b>Đơn vị khác</b>							
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7%	7,99%	700.000.000	7%	7,99%	700.000.000	
			<u>63.096.545.000.000 (*)</u>			<u>58.479.545.000.000 (*)</u>	

(i) Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã góp bổ sung 4.000.000.000.000 VND vào Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát và 617.000.000.000 VND vào Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn vào các công ty con này.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17 Chi phí trả trước****17.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí quảng cáo	10.444.901.772	16.339.489.162
Chi phí thuê văn phòng	9.544.090.909	9.499.090.909
Chi phí dần xếp khoản vay	35.422.700.000	-
Chi phí khác	29.008.393.254	15.332.300.440
	84.420.085.935	41.170.880.511

**17.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí làm thủ tục vay VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	599.821.561	30.694.048.724	1.166.520.458	34.096.918.380
Tăng trong kỳ	612.299.263	-	107.800.000	1.793.547.383
Phân bổ trong kỳ	(185.438.597)	(8.769.851.262)	(396.760.814)	(10.189.755.165)
Số dư cuối kỳ	1.026.682.227	21.924.197.462	877.559.644	25.700.710.598



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	30/6/2022		1/1/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	79.157.049.140	15.831.409.828	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2027.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích tính thuế của khoản mục đó.

**19 Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	-	23.625.000
Các bên liên quan khác	7.202.000	18.424.904
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH The Boston Consulting Group	16.692.480.000	-
Công ty TNHH SL International	-	14.334.472.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	-	7.503.796.300
Công ty CP Thương mại In Nhật Nam	-	3.981.536.410
Các nhà cung cấp khác	7.055.731.727	5.926.615.429
	23.755.413.727	31.788.470.043

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20 Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022		Số phát sinh trong năm		30/6/2022	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp/bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	106.339.292	112.617.011	(218.956.303)	425.650.100	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.029.044.658	10.468.040.634	(14.007.064.695)	-	490.020.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.030.395.509	-	-	-	1.030.395.509	-
Thuế nhà thầu	-	262.546.164	1.766.147.227	(1.150.744.401)	-	877.948.990
Tiền thuê đất	-	-	321.545.168	(321.545.168)	-	-
Thuế, phí khác	-	-	637.117.122	(637.117.122)	-	-
	1.456.045.609	4.397.930.114	13.305.467.162	(16.335.427.689)	1.456.045.609	1.367.969.587

**21 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	33.298.314.008	22.085.278.796

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	2.236.963.082.480	640.824.980
Phải trả khác	3.407.609.028	12.532.468.994
	<u>2.240.370.691.508</u>	<u>13.173.293.974</u>

**23 Vay**

**23.1 Vay ngắn hạn**

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30/6/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	-	(2.200.000.000.000)	-	1.175.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.410.461.538.039	705.230.769.123	35.692.307.692	1.446.153.845.720
	<u>1.410.461.538.039</u>	<u>(2.905.230.769.134)</u>	<u>35.692.307.692</u>	<u>2.621.153.845.720</u>

(\*) Đây là số tiền giải ngân từ một hợp đồng tín dụng hợp vốn ký chung 3 công ty bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương và Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát; có hạn mức là 300 triệu Đô la Mỹ, do 2 ngân hàng làm đại diện các bên cho vay là BNP Paribas – chi nhánh Singapore và HSBC – chi nhánh Singapore. Lãi suất khoản vay là SOFR cộng biên độ 1,52%/ năm.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 23.2 Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng BNP Paribas	USD	LIBOR+2,05%	2023	2.169.230.769.990	2.820.923.077.452
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(1.446.153.845.720)	(1.410.461.538.039)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				723.076.924.270	1.410.461.539.413

Khoản vay này có hạn mức là 200 triệu Đô la Mỹ, do Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Singapore làm đại diện cho các bên cho vay. Khoản vay được bảo lãnh bởi hai công ty con là Công ty CP Thép Hải Dương và Công ty TNHH Ông Thép Hòa Phát.

#### 24 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	802.082.260.130	671.012.332.461
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	761.000.000.000	306.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(128.780.816.500)	(48.476.473.407)
Số dư cuối kỳ	1.434.301.443.630	928.535.859.054

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25 Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	33.132.826.590.000	3.211.560.416.270	902.000.000.000	22.109.389.087.377	59.355.776.093.647
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	783.496.889.097	783.496.889.097
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.596.400.470.000	-	-	(11.596.400.470.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(1.656.641.329.500)	(1.656.641.329.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(306.000.000.000)	(306.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	902.000.000.000	9.333.844.176.974	58.176.631.653.244
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	891.907.691.966	17.118.278.967.687	65.950.974.135.923
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.636.693.446.477	1.636.693.446.477
Trả cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 27)	-	-	-	(2.236.461.353.000)	(2.236.461.353.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(761.000.000.000)	(761.000.000.000)
Sử dụng trong kỳ	-	-	(73.068.300.858)	-	(73.068.300.858)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	818.839.391.108	15.757.511.061.164	64.517.137.928.542

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 26 **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	4.472.922.706	44.729.227.060.000	4.472.922.706	44.729.227.060.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	4.472.922.706	44.729.227.060.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	4.472.922.706	44.729.227.060.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu được Công ty mua lại và nắm giữ là cổ phiếu quỹ, tất cả các quyền đều bị

## 27 **Cổ tức**

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo tỷ lệ 35% bao gồm 30% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 5 năm 2022. Ngày 20 tháng 6 năm 2022, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, số lượng chứng khoán niêm yết thêm là 1.341.862.994 cổ phiếu, tương đương với 13.418.629.940.000 VND.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 35, trong đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 44.729.227.060.000 VND lên 58.147.857.000.000 VND do kết quả của việc phát hành cổ tức để trả cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 28 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	25.905.262.380	25.278.862.380
Trong vòng hai đến năm năm	103.621.049.520	101.115.449.520
Sau năm năm	14.924.285.540	27.407.116.730
	144.450.597.440	153.801.428.630

## 29 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, dịch vụ đã cung cấp và cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2021</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	-	90.330.625.754
▪ Cung cấp dịch vụ	55.590.930.867	46.149.108.182
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	15.599.750.000	16.496.160.000
	71.190.680.867	152.975.893.936
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	(30.167.600)
Doanh thu thuần	71.190.680.867	152.945.726.336

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	-	94.915.403.440
▪ Dịch vụ đã cung cấp	44.443.393.027	40.639.222.974
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	7.439.650.410	7.454.650.410
	<hr/>	<hr/>
	51.883.043.437	143.009.276.824
	<hr/>	<hr/>

**31 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	120.967.115.075	226.556.868.294
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	1.723.879.314.282	720.367.721.729
Lợi nhuận thu được từ chuyển nhượng công ty con	-	498.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	498.751	2.136.940.951
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	14.615.384.617
	<hr/>	<hr/>
	1.844.846.928.108	1.461.676.915.591
	<hr/>	<hr/>

**32 Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí đi vay	79.833.376.848	84.593.936.246
Lỗ từ việc chuyển nhượng công ty con	-	441.214.800.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.959.168.295	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.787.612.615	-
	<hr/>	<hr/>
	154.580.157.758	525.808.736.246
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **33 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.351.482.535	14.399.511.661
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	1.107.308.380	791.522.504
Chi phí khấu hao	7.163.399.532	6.051.155.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.016.766.267	11.530.308.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.242.004.589	119.188.933.324
	<b>74.880.961.303</b>	<b>151.961.431.608</b>

### **34 Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	-	94.915.403.440
Chi phí nhân viên	14.351.482.535	14.399.511.661
Chi phí khấu hao	15.114.814.026	13.998.499.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.055.703.590	52.468.360.993
Chi phí khác	12.242.004.589	119.188.933.324

### **35 Thuế thu nhập**

#### **35.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	14.738.120.716
Dự phòng thừa các kỳ trước	-	(4.838.050.599)
	<b>-</b>	<b>9.900.070.117</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.636.693.446.477	793.396.959.214
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	8.028.818.665	661.366.093
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	(1.723.879.314.282)	(720.367.721.729)
Lỗi tính thuế được mang sang kỳ sau chưa được ghi nhận	79.157.049.140	-
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	73.690.603.578
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	14.738.120.716
Dự phòng thừa các kỳ trước	-	(4.838.050.599)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	9.900.070.117

**35.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

## **36 Các công cụ tài chính**

### **36.1 Quản lý rủi ro tài chính**

#### **(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

#### **(b) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên đều được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

### **36.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu và các khoản cho vay các công ty con.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2022 Triệu VND</b>	<b>1/1/2022 Triệu VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	2.328.753	702.458
Phải thu khách hàng và phải thu khác ngắn hạn và dài hạn	(b)	96.794	7.827.646
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn	(c)	3.909.522	1.404.200
Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn	(d)	1.753.700	885.000
		8.088.769	10.819.304

**(a) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền***

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(b) *Phải thu khách hàng và phải thu khác***

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

**(c) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, để thanh khoản.

**(d) *Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn***

Phải thu về cho vay của Công ty là các khoản cho vay các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**36.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Trong 1 năm</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Trong 1 - 2 năm</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Trong 2 - 5 năm</b> <b>Triệu VND</b>
<b>Ngày 30/6/2022</b>					
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	2.297.424	2.297.424	2.297.424	-	-
Các khoản vay	3.344.231	3.424.083	2.700.989	723.094	-
	<b>5.641.655</b>	<b>5.721.507</b>	<b>4.998.413</b>	<b>723.094</b>	<b>-</b>
<b>Ngày 1/1/2022</b>					
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	67.047	67.047	67.047	-	-
Các khoản vay	2.820.923	2.944.674	1.501.755	1.442.919	-
	<b>2.887.970</b>	<b>3.011.721</b>	<b>1.568.802</b>	<b>1.442.919</b>	<b>-</b>

### 36.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

#### (a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá từ giao dịch đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

#### *Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>30/6/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>USD</b>	<b>Tương đương triệu VND</b>	<b>USD</b>	<b>Tương đương triệu VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.000.844	1.156.769	880	19
Các khoản vay	(142.307.692)	3.344.231	(123.076.923)	2.820.923
	<b>(92.306.848)</b>	<b>4.501.000</b>	<b>(123.076.043)</b>	<b>2.820.942</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2022	1/1/2022
Tỷ giá mua USD/VND	23.135	22.640
Tỷ giá bán USD/VND	23.500	22.920

**(b) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính hưởng lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2022 Triệu VND	1/1/2022 Triệu VND
<b>Các công cụ tài chính hưởng lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	6.522.922	2.909.900
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Nợ phải trả tài chính	(3.344.231)	(2.820.923)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 13.377 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (2021: 22.567 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36.5 Giá trị hợp lý**

**(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	3.377.000	3.377.000	1.404.200	1.404.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	532.522	(*)	-	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.329.877	2.329.877	703.474	703.474
Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	92.699	92.699	7.823.551	7.823.551
Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn	1.753.700	(*)	885.000	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	63.096.545	(*)	58.479.545	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(2.297.424)	(2.297.424)	(67.047)	(67.047)
Các khoản vay	(3.344.231)	(*)	(2.820.923)	(*)
	65.540.688	(*)	66.407.800	(*)



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh*

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(c) Phòng ngừa rủi ro**

Công ty áp dụng chính sách đảm bảo một tỷ lệ số dư chịu sự biến động lãi suất của các khoản vay được duy trì với lãi suất cố định. Các hợp đồng hoán đổi lãi suất đã được ký kết nhằm đạt được một cơ cấu phù hợp bao gồm các khoản chịu lãi suất cố định và lãi suất thả nổi theo chính sách của Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có các hợp đồng hoán đổi lãi suất với giá trị khoản vay liên quan là 2.169.231 triệu VND (1/1/2022: 2.820.923 triệu VND). Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**37 Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty CP Gang thép Hòa Phát</i>		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	1.353.779.314.282	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	7.353.779.314.282	-
Chuyển nhượng công ty con	-	38.699.180.000.000
Góp vốn	-	38.999.220.000.000
<i>Công ty CP Sản phẩm Thép Hòa Phát</i>		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	73.100.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	873.100.000.000	-
Chuyển nhượng công ty con	-	3.499.500.000.000
Góp vốn	-	4.387.450.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<b>Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát</b>		
Góp vốn	4.000.000.000.000	1.998.000.000.000
Các khoản cho vay	300.000.000.000	-
Chuyển nhượng công ty con	-	1.447.500.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	165.527.820
<b>Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát</b>		
Góp vốn	617.000.000.000	-
<b>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	489.803.684	548.227.202
Lợi nhuận được chia từ công ty con	297.000.000.000	730.800.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	297.000.000.000	731.094.550.000
<b>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</b>		
Cho vay	28.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	890.669.424	837.771.999
Nhận thanh toán gốc vay	28.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	20.000.000.000
<b>Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ	19.424.258.375	15.895.049.050
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	3.096.610.551.538
Mua hàng hóa dịch vụ	-	59.899.916.800
<b>Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất</b>		
Cung cấp dịch vụ	9.828.317.465	5.992.346.340
Các khoản cho vay	-	424.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	-	2.086.315.545.207
Mua hàng hóa dịch vụ	-	35.015.486.640
<b>Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên</b>		
Cung cấp dịch vụ	9.261.654.889	7.960.594.735
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	513.121.702.945
<b>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	7.809.702.950	6.979.662.300
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	800.000.000.000
<b>Công ty TNHH Tôn Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	10.885.882.616	9.842.815.190
Lợi nhuận giảm trừ từ công ty con	-	10.432.278.271



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<b>Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát</b>		
Các khoản cho vay	150.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	1.204.463.508	1.191.658.931
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	116.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.605.383.218	1.586.147.248
Mua hàng hóa dịch vụ	-	174.900.006
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	15.974.916.636	25.000.000.000
<b>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.339.626.624	1.357.928.447
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	805.244.349.481	-
Các khoản vay	1.402.170.000.000	-
Thanh toán khoản vay	1.402.170.000.000	-
<b>Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	42.598.042	810.882.912
Các khoản cho vay	100.000.000.000	281.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	180.000.000.000	15.000.000.000
<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	4.931.606
<b>Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ	626.418.125	615.920.633
<b>Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An</b>		
Cung cấp dịch vụ	131.625.650	126.129.778
<b>Công ty TNHH Harmonia</b>		
Mua hàng hóa dịch vụ	27.525.337	-
<b>Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	33.786.634	36.854.254
<b>Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	337.001.086	333.772.677
<b>Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	11.373.296	16.352.281



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<b>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	61.708.490	67.353.903
<b>Công ty CP Xây dựng Long Việt</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.295.726.356	1.259.674.853
Mua hàng hóa dịch vụ	707.517.800	-
<b>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	903.394.078	867.929.123
<b>Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.469.798.274	1.434.383.107
Mua hàng hóa dịch vụ	-	2.755.428
<b>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên</b>		
Cung cấp dịch vụ	747.421.580	745.070.456
<b>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai</b>		
Cung cấp dịch vụ	464.224.338	462.739.588
<b>Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	365.049.722
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình</b>		
Các khoản cho vay	305.000.000.000	40.000.000.000
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng</b>		
Các khoản cho vay	200.000.000.000	30.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	37.200.000.000	26.500.000.000
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước</b>		
Cung cấp dịch vụ	217.727.570	217.825.060
<b>Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ</b>		
Cung cấp dịch vụ	724.708.866	367.210.339
Mua hàng hóa dịch vụ	35.832.000	36.142.000
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát</b>		
Các khoản cho vay	145.000.000.000	65.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	114.100.000.000	21.700.000.000
<b>Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	14.492.682	15.509.046

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<i>Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội</i>		
Cung cấp dịch vụ	42.830.919	-
<i>Công ty CP phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn</i>		
Cung cấp dịch vụ	28.168.386	13.120.732
<i>Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên</i>		
Các khoản vay	697.380.000.000	-
Thanh toán khoản vay	697.380.000.000	-
<i>Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc</i>		
Các khoản vay	81.150.000.000	-
Thanh toán khoản vay	81.150.000.000	-
<i>Công ty CP Vận tải và Dịch vụ thương mại Hà Nội</i>		
Các khoản vay	19.300.000.000	-
Thanh toán khoản vay	19.300.000.000	-
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	-	17.710.000.000
<b>Thành viên của Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	3.600.000.000	2.000.000.000
<b>Thành viên của Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao, lương và thưởng	1.406.804.345	645.500.257

**38 Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	11.596.400.470.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 39 Thông tin so sánh

Thông tin sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**26 -08- 2022**

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng  
Tổng Giám đốc

